

Bản án số: 421/2017/HSST
Ngày: 15/12/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L1
2. Ông Hà Đức Kiên
3. Bà Nguyễn Thị Hoàng Điệp

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Tô Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 573/2017/HSST ngày
24/10/2017, đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T: giới tính: nam; sinh năm 1979 tại Hà Nam; quốc tịch: Úc;
nơi đăng ký thường trú: 4 Bartok Place, Bonnyngg Heights, G 2177, Australia;
Chỗ ở: 504/18 I, Phường a, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa:
12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: A1 và bà B1; hoàn cảnh gia đình: có
vợ là bà C1(ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm: 2004, nhỏ: sinh năm 2007); bị tạm
giam từ ngày: 08/6/2016; tiền án, tiền sự: không. (có mặt)

2/ Nguyễn Hồng V, giới tính: nữ; sinh năm 1985 tại Hà Nội; nơi đăng ký
thường trú: Tổ 3, cụm 3, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội; chỗ ở: 177/3, tổ s,
Khu phố d, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa:
12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: D1 và bà E1; hoàn cảnh gia đình: có
chồng là anh G1 và 02 con (lớn sinh năm: 2004, nhỏ: sinh năm 2012); tiền án,
tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày: 08/6/2016. (có mặt)

3/ Nguyễn Hoàng S , giới tính: nam; sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí
Minh; thường trú: 119 Lô C, chung cư S, Phường t, Quận C, Thành phố Hồ Chí
Minh; con ông H và bà I; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do;

con ông: H1 và bà I1; hoàn cảnh gia đình: có vợ là bà K1 (ly hôn), không có con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 1995 công tác trong ngành Công an, sau đó công tác trong đội tiêu binh danh dự Phòng cảnh sát bảo vệ Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2007 bị kỷ luật đuổi khỏi ngành.

Bị tạm giữ, tạm giam: 09/6/2016. (có mặt)

Người bào chữa:

1/ Luật sư Đỗ Hải Bình, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng S (có mặt).

2/ Luật sư Phạm Quốc Cường, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hồng V (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Luật sư Nguyễn Hoài Sơn, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hồng V (có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao truy tố về hành vi phạm tội như sau:

1. Hành vi vận chuyển trái phép 351,5569 gam hêrôin của Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V và Nguyễn Hoàng S .

Khoảng năm 2010, Nguyễn Văn T quen biết đối tượng tên L1 (Việt Kiều Úc) tại Australia (Úc). Vào thời điểm Tết nguyên đán 2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh, L1 đặt vấn đề với Nguyễn Văn T phụ trách việc nhận hêrôin từ người của L1 rồi gửi sang Úc cho L1 qua đường chuyển phát nhanh của bưu điện; để che giấu sự phát hiện của các cơ quan chức năng, L1 bàn bạc với Nguyễn Văn T tìm người cất giấu hêrôin trong các kiện hàng; khi gửi thì lấy tên giả, Nguyễn Văn T trực tiếp đi gửi hoặc nhờ người khác đi gửi; mỗi bánh gửi thành công, L1 trả cho Nguyễn Văn T 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng (khoảng 2.000 đô la Úc), Nguyễn Văn T đồng ý vận chuyển hêrôin từ Việt Nam sang Úc cho L1. Đến khoảng cuối tháng 3/2016, Nguyễn Văn T gặp Nguyễn Hoàng S (Nguyễn Văn T quen Nguyễn Hoàng S từ năm 2013) tại quán cà phê T đường K, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn T thuê Nguyễn Hoàng S đóng gói ngụy trang hêrôin để gửi sang Úc với tiền công là 2.000 (hai nghìn) AUD (đô la Úc), Nguyễn Hoàng S đồng ý việc đóng gói cất giấu hêrôin cho Nguyễn Văn T; sau đó, Nguyễn Văn T điện thoại báo cho L1 biết việc thuê Nguyễn Hoàng S đóng gói cất giấu hêrôin, L1 đồng ý thuê Nguyễn Hoàng S . Chiều tối ngày 20/4/2016, Nguyễn Văn T đến nhà Nguyễn Hồng V (em họ Nguyễn Văn T) gặp và thuê Nguyễn Hồng V đi gửi hêrôin qua đường chuyển phát nhanh của bưu điện sang Úc, khi đi gửi thì lấy tên giả với tiền công

mỗi lần gửi thành công là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, Nguyễn Hồng V đồng ý đi gửi hêrôin cho Nguyễn Văn T.

Khoảng cuối tháng 4/2016, L1 điện thoại cho Nguyễn Văn T chuẩn bị nhận hêrôin từ người của L1; sau đó một người đàn ông điện thoại cho Nguyễn Văn T và hẹn Nguyễn Văn T đến góc đường K và M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; trên đường đến điểm hẹn, Nguyễn Văn T điện thoại cho Nguyễn Hoàng S hẹn Nguyễn Hoàng S đến điểm hẹn này để nhận hêrôin. Đến điểm hẹn, Nguyễn Văn T nhận của người đàn ông không quen biết một bọc ni lon màu đen, bên trong có 01 (một) bánh hêrôin và 5.000 (năm nghìn) USD (đô la Mỹ) cùng một tờ giấy ghi địa chỉ người nhận là NY, địa chỉ 12 U, G 2177, Australia; Nguyễn Văn T cất 5.000 (năm nghìn) USD (đô la Mỹ) và tờ giấy ghi địa chỉ rồi chờ Nguyễn Hoàng S ; khi đến, Nguyễn Văn T giao bánh hêrôin này cho Nguyễn Hoàng S .

Nhận được hêrôin, Nguyễn Hoàng S đem về phòng ở của Nguyễn Hoàng S tại Lô C, chung cư S, Phường t, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; tại đây, Nguyễn Hoàng S dùng búa đập bánh hêrôin thành những cục nhỏ rồi dùng máy xay đa năng xay nhuyễn thành bột, sau đó dùng cân chia thành 05 phần (04 phần khoảng 78 gam và 01 phần khoảng 43 gam), Nguyễn Hoàng S cho từng phần vào dụng cụ ép thành lại thành bánh, sau đó lấy băng keo trong quấn xung quanh rồi lấy giấy than bọc lại, sau đó tiếp tục quấn băng keo trong một lần nữa. Tiếp đó, Nguyễn Hoàng S lấy lại nồi nấu súp nển (đèn cày) thành chất lỏng, trộn thêm chất tạo màu xanh và chất tạo mùi thơm; sau đó, Nguyễn Hoàng S cho các bánh hêrôin đã được chia nhỏ vào trong khuôn rồi đổ súp nển lên để ngụy trang hêrôin như bánh xà phòng; khi súp nển khô, Nguyễn Hoàng S đem 05 bánh hêrôin đã được ngụy trang này bỏ vào 05 vỏ bao xà phòng hiệu Lux.

Sáng ngày 09/5/2016, Nguyễn Văn T đến gần nhà Nguyễn Hồng V gặp và đưa cho Nguyễn Hồng V 3.000.000 (Ba triệu) đồng, Nguyễn Văn T bảo Nguyễn Hồng V mua thêm 01 đôi giày, 02 bộ đồ và 01 cái đầm và chi phí gửi hàng; đồng thời, Nguyễn Văn T bảo Nguyễn Hồng V khi có người gọi điện thoại hẹn giao hêrôin thì Nguyễn Hồng V đi lấy và gửi cùng những đồ đã mua sang Úc; sau đó, Nguyễn Văn T lấy điện thoại của Nguyễn Hồng V ghi địa chỉ người nhận ở Úc cho Nguyễn Hồng V. Nhận tiền Nguyễn Văn T đưa, Nguyễn Hồng V đến chợ h gần nhà mua những đồ như Nguyễn Văn T bảo hết 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Khoảng 02 giờ 30 ngày 10/5/2016, Nguyễn Hoàng S gọi điện thoại báo cho Nguyễn Văn T biết đã đóng gói xong hêrôin, Nguyễn Văn T cho Nguyễn Hoàng S số điện thoại của Nguyễn Hồng V và bảo Nguyễn Hoàng S điện thoại cho Nguyễn Hồng V để giao nhận hêrôin. Đến 08 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T điện cho Nguyễn Hồng V bảo Nguyễn Hồng V khi nào Nguyễn Hoàng S điện

hẹn giao nhận hêrôin thì đến nhận, sau đó Nguyễn Văn T nhắn tin cho Nguyễn Hồng V số điện thoại của Nguyễn Hoàng S . Ngay sau khi Nguyễn Văn T điện thoại cho Nguyễn Hồng V, thì Nguyễn Hoàng S điện thoại cho Nguyễn Hồng V và hẹn gặp Nguyễn Hồng V tại góc đường L và N, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để giao nhận hêrôin; đến điểm hẹn, Nguyễn Hồng V dùng điện thoại cho Nguyễn Hoàng S để xác nhận rồi cùng Nguyễn Hoàng S vào quán cà phê đầu đường N, sau đó Nguyễn Hoàng S chỉ cho Nguyễn Hồng V bọc đồ cất giấu hêrôin đang treo ở xe máy của Nguyễn Hoàng S , Nguyễn Hồng V đi đến xe máy của Nguyễn Hoàng S lấy bọc ni lon màu đen cất giấu hêrôin rồi đi về nhà Nguyễn Hồng V lấy tiếp 01 đôi giày, 02 bộ đồ và 01 cái đầm rồi bảo chồng là anh G chở đến bưu điện i trên đường V. Tại đây, Nguyễn Hồng V mở bọc ni lon nhận của Nguyễn Hoàng S lấy 05 bánh hêrôin được cất giấu trong 05 bánh xà phòng hiệu Lux rồi đưa cùng 01 đôi giày, 02 bộ đồ và 01 cái đầm cho nhân viên bưu điện bỏ vào hộp bưu kiện. Trên giấy kê hàng và gửi hàng, Nguyễn Hồng V viết tên người gửi là NMH, địa chỉ O, Phường e, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; người nhận là NY, địa chỉ 12 U, G 2177, Australia. Ngày 11/5/2016, kiện hàng này đã bị các cơ quan chức năng phát hiện thu giữ cùng tang vật là 351,5569 gam hêrôin.

Ngày 13/5/2016, Nguyễn Văn T hẹn Nguyễn Hoàng S đến quán cà phê trên đường P, M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; tại đây, Nguyễn Văn T đã đưa cho Nguyễn Hoàng S 20.000.000 đồng tiền công của Nguyễn Hoàng S . Nguyễn Văn T chưa trả tiền công cho Nguyễn Hồng V.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V và Nguyễn Hoàng S thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai các các bị can phù hợp với nhau và vật chứng thu giữ được, có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V và Nguyễn Hoàng S đã vận chuyển trái phép 351,5569 gam hêrôin; Nguyễn Hoàng S thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng.

2. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Văn T và Nguyễn Hồng V.

Sau khi gửi hêrôin sang Úc ngày 10/5/2016 được khoảng hai tuần, L1 ở Úc gọi điện báo Nguyễn Văn T việc chưa nhận được hêrôin và bảo Nguyễn Văn T hỏi bưu điện lý do bên Úc chưa nhận được hàng. Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho Nguyễn Hồng V bảo Nguyễn Hồng V hỏi bưu điện i; khi Nguyễn Hồng V điện thoại hỏi thì được nhân viên bưu điện i yêu cầu Nguyễn Hồng V đem chứng minh nhân dân và phiếu gửi hàng đến giải quyết. Do khi gửi hàng Nguyễn Hồng V sử dụng tên NMH để gửi hàng, nên không có chứng minh nhân dân, Nguyễn Hồng V báo lại cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T báo lại cho L1 biết việc này, L1 bảo Nguyễn Văn T làm Chứng minh nhân dân giả để tiếp tục làm thủ tục gửi hàng. Nguyễn Văn T hỏi Nguyễn Hoàng S có biết người nào

làm chứng minh nhân dân giả để tiếp tục làm thủ tục gửi hàng. Nguyễn Văn T hỏi Nguyễn Hoàng S có biết người nào làm Chứng minh nhân dân giả không, Nguyễn Hoàng S nói có biết người làm với giá 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn T đồng ý và đưa cho Nguyễn Hoàng S 10.000.000 đồng và sau đó Nguyễn Hồng V đã gặp Nguyễn Hoàng S gần công viên Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh giao ảnh và thông tin ghi trên Chứng minh nhân dân cho Nguyễn Hoàng S , nhưng sau đó Nguyễn Hoàng S không làm được Chứng minh nhân dân giả nên Nguyễn Hoàng S đã trả lại 10.000.000 đồng cho Nguyễn Văn T.

Khoảng cuối tháng 5/2016, trong một lần đi Bar chơi, Nguyễn Văn T gặp B2 (không rõ địa chỉ), Nguyễn Văn T hỏi B2 có ai biết ai làm Chứng minh nhân dân giả không, B2 nói để hỏi thử xem. Mấy ngày sau, B2 gặp Nguyễn Văn T nói sẽ có người gặp Nguyễn Văn T để làm chứng minh nhân dân giả, khi gặp thì đưa cho người này ảnh, thông tin ghi trên Chứng minh nhân dân và 3.000.000 đồng tiền công rồi B2 gọi điện thoại và đưa điện thoại cho Nguyễn Văn T nói chuyện với người làm Chứng minh nhân dân giả này, Nguyễn Văn T hẹn ba ngày nữa gặp nhau tại ngã tư R, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Nguyễn Văn T gặp Nguyễn Hồng V lấy ảnh và thông tin ghi trên Chứng minh nhân dân. Đúng hẹn, Nguyễn Văn T đến ngã tư R gặp người đàn ông làm Chứng minh nhân dân giả giao cho người này ảnh của Nguyễn Hồng V, các thông tin ghi trên Chứng minh nhân dân và 3.000.000 đồng, người này hẹn khoảng 03 đến 04 ngày sau sẽ giao Chứng minh nhân dân giả. Khoảng 15 giờ ngày 07/6/2016, người làm Chứng minh nhân dân giả gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T hẹn gặp Nguyễn Văn T tại khu công nghiệp Việt – Sing ở k , Bình Dương. Nguyễn Văn T đến điểm hẹn và người này đến giao Chứng minh nhân dân số 012588135 mang tên NMH cho Nguyễn Văn T; đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T đến nhà bố của Nguyễn Hồng V trên đường O, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh giao Chứng minh nhân dân này cho Nguyễn Hồng V. Khoảng 08 giờ ngày 08/6/2016, Nguyễn Hồng V đến bưu điện i trình nhân viên bưu điện Chứng minh nhân dân và phiếu gửi hàng để bổ sung thủ tục gửi hàng đi Úc, trong lúc ngồi chờ Nguyễn Hồng V thấy sợ nên bỏ về và điện thoại cho Nguyễn Văn T biết. Sau khi Nguyễn Hồng V bỏ về, bưu điện i báo cáo sự việc và giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ công an (C47) Chứng minh nhân dân số 012588135 mang tên NMH để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Hoàng S , thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Theo kết luận giám định số 2271/C54B ngày 12/9/2016 của Phân viện khoa học hình sự, Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chứng minh nhân dân số 12588135 mang tên NMH là chứng minh nhân dân giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu điện tử. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T,

Nguyễn Hồng V và Nguyễn Hoàng S thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị can phù hợp với nhau và vật chứng thu giữ được, có căn cứ kết luận Nguyễn Văn T và Nguyễn Hồng V đã thực hiện hành vi phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điều 267 của Bộ luật Hình sự.

Tại kết luận Giám định số 3416/C54B ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Tổng cục cảnh sát, Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Gói 1: Chất màu trắng dạng cục đựng trong 05 gói nylon ký hiệu từ 1 đến 5 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Heroin, hàm lượng trung bình: 73,65%. Trọng lượng Heroin trong 349,72 gam (theo kết luận giám định 1698-1/C54B của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề ngày 17 tháng 5 năm 2016) là 257,5688 gam.

Gói 02: Chất màu trắng đựng trong 01 gói giấy được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroin, hàm lượng: 73,97%. Trọng lượng Heroin trong 1,8369 gam (theo kết luận giám định số 1653/C54 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề ngày 12/5/2016) là 1,3587 gam.

Cáo trạng số 03/VKSTC-V4 ngày 16/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao kết luận: Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Hoàng S đã thực hiện hành vi vận chuyển tổng số 05 bánh Heroin loại nhỏ có trọng lượng 351,5569 gam theo điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất của vụ án, nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 năm tù và phạt 50.000.000 đồng về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; 06 tháng đến 12 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 năm 06 tháng đến 21 năm tù và phạt tiền 50.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng V 18 đến 19 năm tù và phạt 30.000.000 đồng về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; 06 đến 12 tháng tù về tội “Làm giả con tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 năm 06 tháng đến 20 năm tù và phạt tiền 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 18 đến 19 năm tù và phạt 30.000.000 đồng về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết phần dân sự và xử lý vật chứng vụ án theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V:

Thông nhất với Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số lượng ma túy thu giữ của các bị cáo; đề nghị xem xét vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Hồng V, là người bị rủ rê, Nguyễn Hồng V là người gửi hàng và mọi cách thức thực hiện do bị cáo Nguyễn Văn T hướng dẫn, vì nghĩ về tình cảm gia đình với Nguyễn Văn T mới thực hiện hành vi phạm tội. Trình bày các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Hồng V, Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; nhận thức pháp luật có phần hạn chế, khi bị bắt, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và giúp cơ quan điều tra nhanh chóng hoàn thành việc điều tra vụ án bị cáo Nguyễn Hồng V có con nhỏ, Nguyễn Hồng V có chú là Liệt Sĩ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm h, p, o, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a tiểu mục 3.3, mục 3 Nghị Quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 để xét xử bị cáo dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân đề nghị và không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng S cho rằng chưa xác định đúng hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo chỉ thực hiện hành vi nguy trang ma túy nên có dấu hiệu phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” không phải tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; chưa xác định rõ hàm lượng ma túy đối với số lượng ma túy thu giữ; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm luận tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các biên bản trong hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai người làm chứng, vật chứng thu được, lời khai của người bị hại, kết luận giám định... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án đúng như bản Cáo trạng truy tố. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Hoàng S đã có hành vi vận chuyển chất ma túy sang Úc, nên phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Số lượng ma túy do các bị cáo vận chuyển theo kết luận giám định là

Heroin có trọng lượng là 258,9275 gam nên thuộc trường hợp vận chuyển Heroin “có trọng lượng từ một trăm gam trở lên” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Để phục vụ cho việc vận chuyển trái phép chất ma túy nói trên nên bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hồng V đã thực hiện hành vi làm giả Chứng minh nhân dân nên phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội, suy giảm sức khỏe con người, để từ đó cho thấy ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một mức hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời cũng là biện pháp răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ mưu, cầm đầu nên mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác; Nguyễn Hồng V và Nguyễn Hoàng S là người có vai trò thực hành tích cực nên cũng cần phải có mức hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, trong đó bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ mưu cầm đầu, bị cáo Nguyễn Hồng V và bị cáo Nguyễn Hoàng S là người có vai trò thực hành tích cực nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 để xét xử đối với các bị cáo.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ do luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hồng V trình bày theo quy định tại điểm h, o, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Hội đồng xét xử không chấp nhận do không đúng quy định pháp luật (bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo bị bắt do Cơ quan điều tra tiến hành truy xét, không phải các bị cáo tự thú; trường hợp các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định tại điểm p nên Hội đồng xét xử không áp dụng điểm q đối với bị cáo).

Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng Nguyễn Hoàng S đã thu lợi bất chính, 5.000 USD Nguyễn Văn T khai đã đổi thành 86.000.000 là số tiền thu lợi bất chính; Nguyễn Hồng V nhận từ Nguyễn Văn T 3.000.000 đồng đã mua đồ hết

2.100.000 đồng, còn lại 900.000 đồng nên buộc các bị cáo nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động Iphone màu vàng có số Imei 359241068412854 + 01 sim
- 01 điện thoại BlackBerry 9900 màu trắng
- 01 điện thoại Nokia 105 màu đen + 01 sim và 01 sim điện thoại số 8401150550962669
- 01 điện thoại Nokia RM-1035 màu đen + sim Mobifone 8401160492357460
- 01 điện thoại Iphone model A1524, Imei 356998064984326 + 01 sim Viettel
- 01 điện thoại di động, hiệu Iphone màu trắng, model A1429, số Imei 990002270794140 và 01 sim mạng Mobifone (kiếng bể).

Tất cả các điện thoại trên là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử buộc tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Một phong bì niêm phong sau giám định số 1653/C54B ngày 12/5/2016 có chữ ký của GDV Trần Thị Mai và người chứng kiến Trần Nguyễn Quang Minh;
- Một phong bì niêm phong và người chứng kiến Nguyễn Phước Minh;
- Một thùng cac tông được niêm phong sau giám định kích thước khoảng 25 X 20 X 10 cm số 1698/C54B ngày 17/5/2016 có dấu niêm phong của Đội 2 Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Hộ chiếu số N5083846, 01 bằng lái xe số 2025713021 và 01 thẻ ngân hàng Sacombank số 4221519358866543 mang tên Nguyen Van Toan là những vật không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Văn T.

Thẻ ngân hàng các loại:

- 01 thẻ Visa ngân hàng Sacombank số 4221518187230343
- 02 thẻ Techcombank, số 4220768681884050 và số 4221498671662451
- Vietcombank, số 4283107951432015;
- Agribank, số 4862829714779106;
- Thẻ ngân hàng Vpbank, số 9704320814563716 Thu giữ của Nguyễn Hồng V, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Nguyễn Hồng V.

- 01 giấy CMND 022476668 mang tên Nguyễn Hoàng S là giấy tờ tùy thân của Nguyễn Hoàng S không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Nguyễn Hoàng S .

Giấy tờ các loại gồm:

- 01 giấy CMND số 370528080 mang tên Nguyễn Đình Trọng;
- 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 070552 tên chủ xe Nguyễn Văn Phương, biển số 59U1-075.57
- 01 giấy phép lái xe số AQ775877 cấp ngày 22/12/2010;
- 01 giấy phép lái xe số 790048013031 cấp ngày 20/3/2014

Không xác định được chủ sở hữu nên tịch thu tiêu hủy.

- 02 gói niêm phong ký hiệu vụ số 3416/C54B gói 1 và vụ số 3416/C54B gói 2 ngày 13/10/2017 có chữ ký của Giám định viên HTPH, người chứng kiến PTM và hình dấu tròn màu đỏ Đội 4, Phân viện khoa học Hình sự, bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh (C54B).

- 01 thùng niêm phong số 1698/C54B ngày 17/5/2016, dấu đội 2, Phân viện khoa học hình sự.

Là vật chứng vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Hoàng S** phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; khoản 1 Điều 267; điểm a khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Văn T** 20 (hai mươi) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; 01 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 21 (hai mươi một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2016.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; khoản 1 Điều 267; điểm a khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Hồng V** 20 (hai mươi) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 20 (hai mươi) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2016.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm a khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Hoàng S** 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2016.

2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng S nộp lại số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Hồng V nộp lại số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại số tiền 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động Iphone màu vàng có số Imei 359241068412854 + 01 sim.
- 01 điện thoại BlackBerry 9900 màu trắng
- 01 điện thoại Nokia 105 màu đen + 01 sim và 01 sim điện thoại số 8401150550962669
- 01 điện thoại Nokia RM-1035 màu đen + sim Mobifone 8401160492357460
- 01 điện thoại Iphone model A1524, Imei 356998064984326 + 01 sim Viettel
- 01 điện thoại di động, hiệu Iphone màu trắng, model A1429, số Imei 990002270794140 và 01 sim mạng Mobifone (kiếng bể).

Tịch thu tiêu hủy:

- Một phong bì niêm phong sau giám định số 1653/C54B ngày 12/5/2016 có chữ ký của GĐV Trần Thị Mai và người chứng kiến Trần Nguyễn Quang Minh;
- Một phong bì niêm phong và người chứng kiến Nguyễn Phước Minh;
- Một thùng các tông được niêm phong sau giám định kích thước khoảng 25 X 20 X 10 cm số 1698/C54B này 17/5/2016 có dấu niêm phong của Đội 2 Phân viện khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho:

- Nguyễn Văn T: Hộ chiếu số N5083846, 01 bằng lái xe số 2025713021 và 01 thẻ ngân hàng Sacombank số 4221519358866543 mang tên Nguyen Van Toan.
- Nguyễn Hồng V: 01 thẻ Visa ngân hàng Sacombank số 4221518187230343; 02 thẻ Techcombank, số 4220768681884050 và số 4221498671662451; 01 thẻ Vietcombank, số 4283107951432015; 01 thẻ Agribank, số 4862829714779106; 01 thẻ ngân hàng Vpbank, số 9704320814563716.

- Nguyễn Hoàng S : 01 giấy CMND 022476668 mang tên Nguyễn Hoàng S .

Tịch thu tiêu hủy:

Giấy tờ các loại:

- 01 giấy CMND số 370528080 mang tên Nguyễn Đình Trọng;
- 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 070552 tên chủ xe Nguyễn Văn Phương, biển số 59U1-075.57
- 01 giấy phép lái xe số AQ775877 cấp ngày 22/12/2010.
- 01 giấy phép lái xe số 790048013031 cấp ngày 20/3/2014.
- 02 gói niêm phong ký hiệu vụ số 3416/C54B gói 1 và vụ số 3416/C54B gói 2 ngày 13/10/2017 có chữ ký của Giám định viên HTPH, người chứng kiến PTM và hình dấu tròn màu đỏ Đội 4, Phân viện khoa học Hình sự, bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh (C54B).
- 01 thùng niêm phong số 1698/C54B ngày 17/5/2016, dấu đội 2, Phân viện khoa học hình sự.

(Biên bản giao nhận tang tài vật số 116/17 của Cục Thi hành án Dân sự ngày 19/01/2017 và Biên bản giao nhận tang tài vật số 32/18 ngày 18/10/2017 của cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Các cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|------|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP. HCM | (1) |
| - VKSND-TP.HCM; | (3) |
| - Cục THA DS TP.HCM; | (1) |
| - THA HS; | (2) |
| - Trại tạm giam; | (4) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - Phòng PC53 - CA Tp. HCM; | (2) |
| - Luật sư; | (1) |
| - Đại diện người bị hại | (1) |
| - Sở Tư pháp; | (2) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ; | (26) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam

